TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2024
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thảo Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Ông Phan Công Văn.

- *Thư ký phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 441/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Cẩm G, sinh năm 1993; cư trú: tổ B, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ B, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà G có mặt; ông H vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Phạm Thị Cẩm G trình bày:

Về hôn nhân: Hôn nhân của ông bà là tự tìm hiểu được cha mẹ đồng ý tiến hành tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 liên tục phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về chuyện kinh tế trong gia đình, ông H không chăm lo gia đình, vợ chồng thường cuyên tranh cải, không tìn được tiếng nói chung. Nhiều lần ông bà đã tìm cách hàn gắn, gia đình hai bên nói chuyện, phân tích nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã rất trầm trọng, có quay về chung sống cũng không hạnh phúc nên bà xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Phạm Tường V, sinh ngày 12/01/2014 và Huỳnh Phạm Gia K, sinh ngày 21/9/2020, hiện đang sống cùng bà G. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà đồng ý tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử do bà kiên quyết ly hôn, không còn tình cảm với ông H. Đồng thời, bà xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa bảo lưu ý kiến.

Cháu Huỳnh Phạm Tường V có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ và không có yêu cầu gì về cha.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho ông H theo quy định nhưng ông vẫn không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà G, ông H để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được:

Về nơi cư trú: Theo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Công an xã V thể hiện ông H hiện cư trú tại xã P, huyện A, tỉnh An Giang chưa có thông tin tách chuyển đi nơi khác.

Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Võ Thị H1 – mẹ ruột bà G cho biết mâu thuẫn vợ chồng của bà G và ông H là do ông H ham chơi, không tu chí làm ăn, nhiều lần bà G và gia đình khuyên ngăn nhưng ông không thay đổi nên vợ chồng ông bà mới xảy ra mâu thuẫn đến mức không thể hàn gắn được. Nay gia đình để ông bà tự quyết định, không có ý kiến.

Tại phiên tòa, bà G có mặt bảo lưu ý kiến, riêng ông H đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà G chung sống với ông H đến năm 2021 thì không còn hạnh phúc nên bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn, Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông H hiện có địa chỉ cư trú tại xã V, huyện A. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, An Giang.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm G, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hôn nhân: Bà G và ông H xây dựng gia đình trên hôn nhân tự nguyện được sự đồng ý của hai gia đình tiến hành tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 18/7/2013 nên phát sinh trách nhiệm pháp lý, phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Mặc dù Tòa án đã động viên và hòa giải nhưng bà G vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông H. Tại phiên hòa giải, bà G yêu cầu không tiến hành hòa giải do không còn tình cảm và tại phiên tòa hôm nay bà G vắng mặt đã thể hiện việc không thể quay lại chung sống với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn ông bà đã phát phát sinh trong thời gian dài từ năm 2021 đến nay nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, gia đình hai bên để ông bà tự quyết định và nhìn nhận mâu thuẫn của ông bà dù có quay lại ông bà chung sống cũng không hạnh phúc.

Bà G cho rằng nguyên nhân xin ly hôn là do ông H không chăm lo gia đình, ham chơi nên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã. C sống không hạnh phúc nên ông bà ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn của ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Huỳnh Phạm Tường V, sinh ngày 12/01/2014 và Huỳnh Phạm Gia K, sinh ngày 21/9/2020, hiện nay con chung đang sống chung với bà G. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn bà G đồng ý tiếp tục nuôi con chung.

Xét thấy, con chung từ khi ông bà ly thân hiện sống ổn định với bà G, được cho đi học và chăm sóc tốt, việc thay đổi chỗ ở, hoàn cảnh sống đột ngột sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển của các cháu. Quan trọng hơn, cháu V có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ và cháu cũng là con gái rất cần sự gần gũi, chăm sóc từ mẹ nên theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh và quy định của pháp luật.

[3.3] Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà G không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện này của bà G.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà G cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà G là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Cẩm G.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Cẩm G được ly hôn với ông Huỳnh Văn H.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Cẩm G được tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Phạm Tường V, sinh ngày 12/01/2014 và Huỳnh Phạm Gia K, sinh ngày 21/9/2020.

Công nhận tự nguyện của bà G không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà G cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Cẩm G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009156 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà G đã nộp đủ). Các đương sự không phải chịu án phí nào khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/02/2024) thời hạn kháng cáo của bà G và ông H được tính kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.